TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2020
Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh;

2. Bà Võ Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm S, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Số 08 ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số 29, ấp B, xã D, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp; Chị S có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 159, ấp Đ, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Diễm S trình bày: Chị S và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2014 thông qua mai mối, đến ngày 10/12/2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị S và anh T sau khi cưới chung sống tại nhà anh T cùng cha mẹ chồng, nhưng cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cự cải; anh T thường hay nhậu không lo

làm ăn, chị S đi làm ở nhà máy xây lúa ở gần nhà thì anh T ghen tuông, đốt quần áo của chị S và không cho chị S đi làm, do đó giữa vợ chồng có cuộc sống riêng và chính thức ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay. Sau khi ly thân chị S về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã D, huyện LV1, tỉnh Đông Tháp sinh sống. Khi chị S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh T, chị S có đến nhà anh T 01 lần và sau đó có điện thoại cho anh T mục đích yêu cầu anh T đến Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T cho rằng chị S muốn làm gì thì làm. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh Mai Văn T. Quá trình sống chung, vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản cho anh Mai Văn T nhưng anh T không có ý kiến cũng như không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Diễm S. Về con chung, tài sản và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Lê Thị Diễm S xin ly hôn anh Mai Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị S và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 159, ấp Đ, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T đăng ký kết hôn vào 10 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2014, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị S và anh T đã không làm được điều đó, sau một thời gian ngắn chung sống, chị S và anh T đã bắt đầu xảy ra bất đồng về quan điểm sống, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình. Chị S cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn lập trường trái ngược nhau, cuộc sống hôn nhân không phù hợp vì chưa tìm hiểu rõ về nhau trước khi cưới nên dẫn đến việc vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Thời gian xa nhau đã hơn 04 năm, nhưng không ai tới lui để quan tâm, thăm hỏi nhau. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị S không đồng ý đoàn tụ gia đình mà yêu cầu được ly hôn với anh T.

Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T. Và anh T cũng được thông báo toàn bộ nội dung yêu cầu của chị S trong vụ án này. Nhưng anh T không có phản hồi ý kiến và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án; mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, điều đó cho thấy anh T không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định trên cho thấy quan hệ hôn nhân của chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những căn cứ trên xét yêu cầu ly hôn của chị S phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Do chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Diễm S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 96; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều

228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm S và anh Mai Văn T.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Diễm S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019/0005714 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV (Chị S đã nộp đủ án phí).

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
(GCNKH số 119 ngày ĐK 10/12/2014)
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Kiến